



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2014

Phụ lục số II

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Năm báo cáo: 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: NAMDUOC JIONT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101452595
- Vốn điều lệ: 56.800.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0462691602
- Số fax: 0462698623
- Website: www.namduoc.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): NDC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Nam Dược được thành lập vào ngày 01/01/2004, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 04 tháng 03 năm 2004, có vốn điều lệ 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), với 23 cổ đông sáng lập. Trụ sở chính tại số 02, ngách 26/31, ngõ 26 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Lĩnh vực kinh doanh thời điểm đó của công ty là kinh doanh, đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm; trang thiết bị y tế; Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược, mỹ phẩm.

Ngày 07 tháng 02 năm 2005, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần một, trên cơ sở các ngành nghề cũ và bổ sung thêm các ngành nghề nuôi trồng, thu mua chế biến dược liệu và kinh doanh dược liệu. Tháng 9 năm 2006, Công ty hoàn thành việc xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP - WHO, GSP, GLP và là một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở phía Bắc có nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn này.

Sau khi hoàn thành nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP.Nam Dược đã tập trung sản xuất đa dạng các mặt hàng tân dược và đông dược để tiến vào thị trường bảo hiểm bệnh viện.Tuy nhiên, sau khi các sản phẩm của Nam Dược bắt đầu xâm nhập được vào hầu hết các hệ thống bảo hiểm trên toàn quốc thì gặp phải cơn khủng hoảng tài chính mà đỉnh cao khủng hoảng là cuối năm 2008.

Tháng 06/2009: Đại hội cổ đông với việc quyết định chiến lược chỉ tập trung chuyên sâu chiến lược phát triển thuốc Nam, từ bỏ sản xuất các sản phẩm tân dược.

Tháng 11/2009: Bắt đầu xây dựng lại hệ thống mới hoàn toàn, bắt đầu từ miền Bắc và hoàn thiện dần hệ thống phân phối và cùng thời điểm này thực hiện tăng vốn điều lệ lên 56.800.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng).

Từ 11/2009 đến nay, Nam Dược chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ và vượt bậc trên trong sản xuất và ngoài thị trường. Một số sản phẩm của công ty đã trở thành những sản phẩm đứng đầu trong dòng sản phẩm. Thương hiệu Nam Dược được phát triển vững mạnh và uy tín trong cộng đồng và giới chuyên môn.

Năm 2010, Nam Dược vinh dự được Thủ tướng Chính phủ trao tặng giải bạc chất lượng quốc gia. Và vinh dự hơn, năm 2011, Nam Dược được Thủ tướng Chính phủ trao tặng giải vàng chất lượng quốc gia và trở thành doanh nghiệp được phẩm đầu tiên và duy nhất đạt được giải thưởng này. Các sản phẩm của Nam Dược cũng nhiều lần nhận được huy chương vàng chất lượng do Bộ công thương, Bộ khoa học công nghệ và nhiều bộ ngành khác trao tặng.

Năm 2012, Nam Dược hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ trong việc triển khai các vùng trồng dược liệu tại Hải Hậu – Nam Định. Đây cũng là một bước tiến khẳng định định hướng chất lượng của Nam Dược

Tháng 05/2013: Nam Dược hợp tác cùng với tổ chức tư vấn chiến lược và quản trị tổ chức OCD trong việc xây dựng lại định hướng chiến lược và hệ thống quản trị nhân sự cho giai đoạn phát triển 2014-2018.

Tháng 12/2013, Nam Dược thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 9 và chuyển trụ sở chính về địa chỉ: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Toàn bộ các tiêu chuẩn mà nhà máy của Nam Dược đã được công nhận như: GMP - WHO, ISO 9001:2000, ISO 14000:2004, HACCP và SA 8000 hợp thành bộ tích hợp tiêu chuẩn IMS (Intergrated Management System) tiên tiến của thế giới và chất lượng sản phẩm được làm ra từ nhà máy đạt được trình độ này được toàn thế giới công nhận. Tính tới thời điểm hiện nay, chưa có doanh nghiệp dược nào ở Việt Nam (kể cả khối doanh nghiệp trong nước và khối có vốn đầu tư nước ngoài) đạt được hệ tích hợp tiêu chuẩn tiên tiến của thế giới. Điều này khẳng định tầm nhìn và sứ mệnh của Nam Dược là được đưa những sản phẩm có đẳng cấp thế giới và chất lượng vượt trội đến tay người dân Việt Nam, góp phần nâng cao tầm sức khỏe toàn dân tộc.

- Các sự kiện khác:

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

Trong năm 2013, hoạt động chính của Công ty và các công ty con theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bao gồm:

Công ty Cổ phần Nam Dược:	Kinh doanh thuốc đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.
Công ty TNHH Nam Dược:	Sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do chính Công ty sản xuất.
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam:	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc công ty cổ phần Nam Dược

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Bà Dương Thị Lan	Thành viên
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sản	Thành viên

Ban kiểm soát

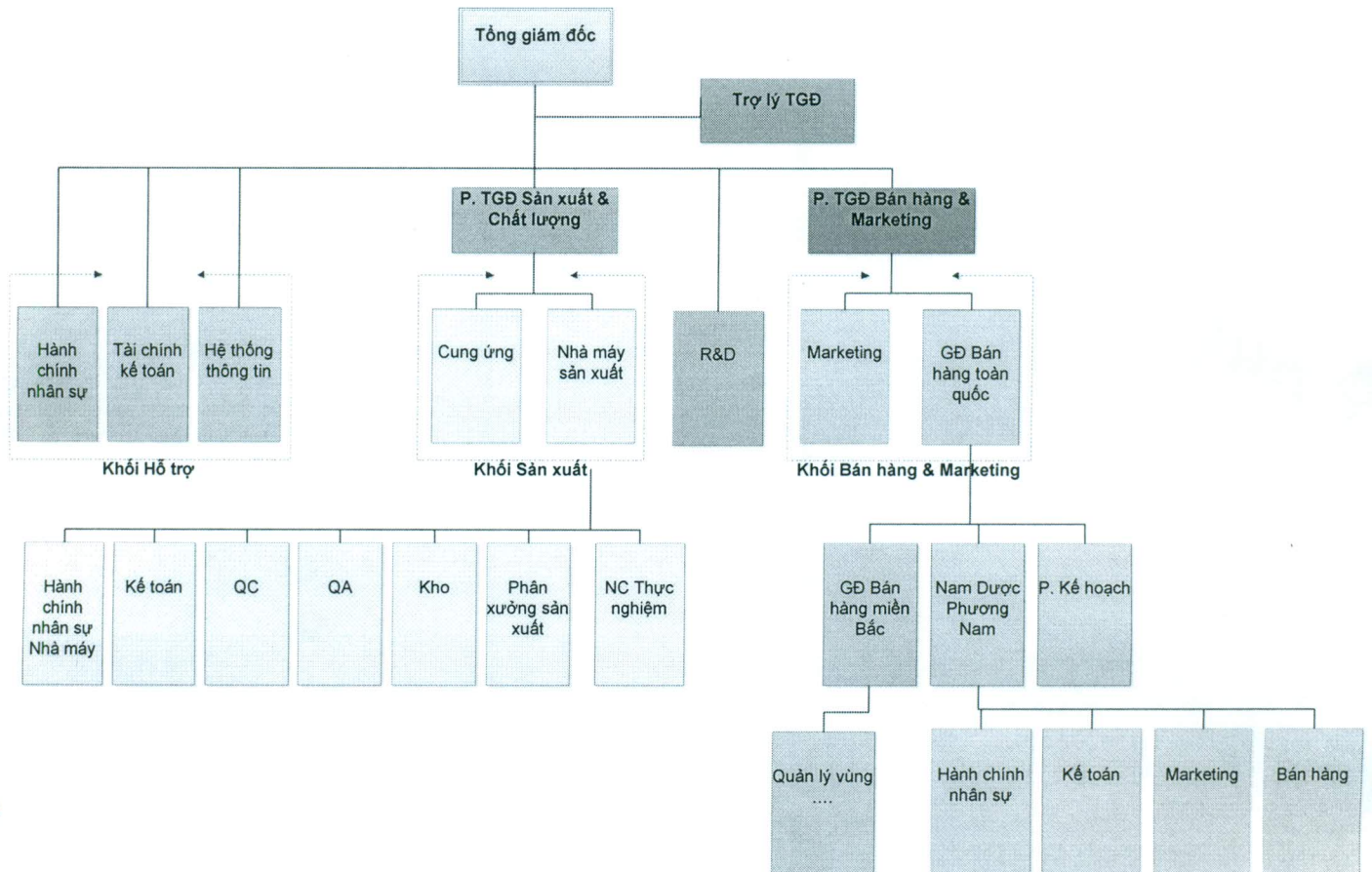
Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Thành Đạt	Thành Viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Bà Mai Thị Hoàng Sa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 09 năm 2013)
Ông Lê Văn Sản	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2014)

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC – NAM DƯỢC



- Các công ty con, công ty liên kết: Tại ngày 31/12/2013, các công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ trụ sở	Tỷ lệ quyền biểu quyết /sở hữu	Vốn điều lệ (tỷ VND)
Công ty TNHH MTV Nam Dược	Lô M13(C4-9), Khu công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định	100%	30
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	C4B, Đường Bửu Long, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	1

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần
Nam Dược (*)

Địa chỉ

Số 3, ngách 34/23, ngõ 34
đường Nguyễn Hồng, Láng
Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Kinh doanh dược phẩm

(*): Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Nam Dược ngày 08/05/2011 đã thông qua việc giải thể Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Nam Dược. Đồng thời Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội - phòng đăng ký kinh doanh số 02 đã cấp Giấy xác nhận số 447/GBN-ĐKKD ngày 18/01/2013 về việc đã tiếp nhận thông báo tạm ngừng hoạt động của chi nhánh. Thời gian tạm ngừng lần 01 từ ngày 20/01/2013 đến ngày 20/01/2014.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tiên phong về dược liệu sạch và chuẩn hóa tại Việt nam với một số dược liệu như Bá bệnh, mâm đầu nành, Dây thìa canh, Địa long, Rắn hổ mang, Tỏa dương, Diệp hạ châu v.v... Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản kiến thức ông cha trong sản xuất và kinh doanh.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Chiến lược sản phẩm

Phát triển tối thiểu 05 sản phẩm dẫn đầu thị trường có chất lượng cao, mẫu mã đẹp tiện dùng, có mặt ở mọi gia đình Việt nam, được người dân Việt nam biết đến sử dụng, tin cậy.

Chiến lược nhân sự

Đội ngũ lãnh đạo: Đức dày, tâm sáng, tầm cao, chuyên nghiệp; Có sứ mệnh và lý tưởng sống cao đẹp, có giá trị và lối sống đạo đức, uy tín, gương mẫu, tiên phong; Không ngừng trau dồi tầm cao nhận thức và tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng.

Xây dựng bản sắc văn hóa đặc trưng và mạnh mẽ theo tám giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Liên tục áp dụng và củng cố các giải pháp quản trị tiên tiến và khoa học để phát triển tác phong làm việc chuyên nghiệp; Liên tục xây dựng mô hình gửi đào tạo và tự đào tạo để cán bộ công nhân viên có sự phát triển về trí tuệ; Chia sẻ về mọi mặt để mỗi thành viên được ấm áp về tinh thần; Lan tỏa niềm đam mê thuốc nam, cây cỏ, luôn đi tìm và gìn giữ những bài thuốc hay, phát huy tinh thần dân tộc Việt.

Sự tâm huyết của con người Nam Dược và tinh thần "không có gì là không thể", luôn khát vọng trở thành đại diện số 1 cho ngành Đông dược Việt nam. Không dừng lại và hài lòng với những thành quả đạt được, luôn có khát vọng chinh phục những mục tiêu thử thách.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Nam Dược tồn tại như một thực thể có vai trò xã hội nhưng cũng mang tính đạo đức. Ngoài mục tiêu mang lại lợi ích thực sự cho khách hàng, cán bộ công nhân viên, công ty sẽ luôn thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội với những hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của mình.

6. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

- Suy thoái nền kinh tế trên thế giới và Việt Nam;
- Các chính sách, pháp luật ngành thay đổi;
- Cạnh tranh gián tiếp và trực tiếp với các công ty sản xuất và phân phối trong và ngoài nước cùng ngành kinh doanh;
- Tình hình cung cấp nguyên liệu sản xuất thay đổi, đặc biệt là chất lượng và giá thành các dược liệu nhập từ Trung Quốc không ổn định và kém chất lượng...

II. Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động trong năm

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2013	2013	2012	% 2013 so với 2012
Doanh thu thuần	360,000	254.121	265.539	95,7%
Lợi nhuận sau thuế	55,000	30.976	41.502	74,6%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 của CTCP Nam Dược

Doanh thu năm 2013 đạt 254.121 triệu đồng giảm 4,3 % so với năm 2012 và hoàn thành 70,6% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận trước thuế đạt 30.976 triệu đồng, giảm 25,4 % so với năm 2012 và hoàn thành 56,3 % kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế chưa hoàn thành kế hoạch nhưng năm 2013 đã đạt được những thành tích sau:

Thương hiệu

- Thương Hiệu Nam Dược: Tháng 7/2013, đã bảo hộ thành công thương hiệu Nam Dược, tiếp tục nâng tầm nhận biết tốt trong giới chuyên môn cũng như trong cộng đồng với những đánh giá rất cao về những phương pháp và kết quả xây dựng thương hiệu Nam Dược. Đây là một thành tựu rất quan trọng để phát triển thương hiệu cho công ty mẹ và các sản phẩm mang thương hiệu Nam Dược nói chung.
- Với định hướng và cách làm bài bản, Nam Dược được Bộ Y tế và các cơ quan chuyên môn, quản lý mời tham dự nhiều hội đàm, hội thảo quan trọng liên quan đến định hướng phát triển dược liệu Việt Nam nói riêng và của Đông Dược Việt Nam nói chung. Nam Dược đồng thời tham dự chương trình “Thương mại sinh học Biotrade” tổ chức phi chính phủ Heveltas chủ trì với sự tài trợ của Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO).
- Các thương hiệu của Nam Dược tiếp tục được bộ khoa học công nghệ, bộ y tế và các bộ ngành khác đánh giá cao và trao nhiều bằng khen. Bộ y tế trao giải thưởng “biểu tượng vàng vì sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng”, Báo sài gòn tiếp thị đã bình chọn nhiều sản phẩm của Nam Dược tiếp tục là “Hàng việt nam chất lượng cao”. Các nhãn hàng: Thông Xoang Tán, Bảo Xuân, Diabetna được Viện doanh nghiệp Việt Nam trao tặng danh hiệu “ Sản phẩm đảm bảo chất lượng 2013- Quality Assurance 2013”
- Một số thương hiệu của Nam Dược có sự phát triển nhanh trong năm qua như Bảo Xuân, Bách Xà, Thông Xoang tán. Nhãn hiệu Thông Xoang Tán Nam Dược đã có được vị thế khá chắc chắn trên thị trường.

Hệ thống phân phối

- Với nhận thức với về quản trị chuyên nghiệp và tập trung vào mở rộng điểm bán. Qua đó, số lượng điểm bán của công ty đã tăng lên từ 5.600 (năm 31/12/2011) điểm bán lên 12.500 điểm bán (31/12/2013) (tăng gấp 2,23 lần).
- Sức mạnh hệ thống được sử dụng tối đa hiệu quả với số lượng nhân viên bán hàng trực tiếp cả nước tăng từ 70 lên 120 nhân viên;
- Hình ảnh nhân sự tại địa bàn dần được chuẩn hóa để tạo ra hình ảnh nhận diện chuyên nghiệp về tác phong, ăn mặc, công cụ làm việc. Nhân sự của công ty tiếp tục được tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện để nâng cao chất lượng năng lực, đồng thời chuẩn hóa quy trình làm việc và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu suất làm việc của hệ thống.
- Triển khai nhanh, đa dạng trong các hình thức trưng bày tại điểm bán giúp tăng độ nhận biết và độ nhìn thấy của các sản phẩm và thương hiệu mẹ Nam Dược.

Về hoạt động nghiên cứu và phát triển:

- Trong năm 2013, hoạt động nghiên cứu phát triển tập trung vào việc nghiên cứu sản phẩm mới và nâng cấp sản phẩm cũ đã đạt được một số thành tựu nhất định theo định hướng bộ sản phẩm, có đầu tư sâu về nghiên cứu thị trường, nghiên cứu bào chế để năm 2014 tung ra thị trường như: Bộ 5 sản phẩm Ích Nhi cho trẻ em, Bộ sản phẩm An Bảo trị mụn trứng cá, bộ Sắc Xuân trị nám sạm da, Bộ Cốt linh Diệu trị sưng đau, bầm tím, tụ máu do chấn thương, Bộ sản phẩm Tiêu hóa (Dạ dày Nam Dược, Đại Tr tràng Nam Dược, Giải độc gan Nam Dược), Bộ Bảo Xuân cho phụ nữ 30+, 50+, Hoạt huyết Nam Dược. Đây là các bộ sản phẩm hứa hẹn mang lại doanh thu cho các năm tới.

Hoạt động cung ứng và sản xuất:

- Vùng trồng Dây thìa canh tại Nam Định và nhiều vùng trồng thuốc Nam trong cả nước như Phú Yên, Hà Giang, Lào cai... đã được bộ phận cung ứng tích cực triển khai theo hướng chủ động nguồn và đạt chất lượng cao, sắp tới công ty có định hướng chủ động vùng trồng thêm được liệu như Cà gai leo, Cây khôi tía, Sa nhân theo mô hình GAP của Dây thìa canh đang được đánh giá rất cao.
- Nhà máy sản xuất đã xây thêm khu nhà xưởng nguyên phụ liệu, bao bì, thành phẩm trên diện tích 1 ha đất đối diện, đã cải tạo xong kho thành phẩm cũ thành xưởng Thực phẩm chức năng. Đồng thời, nhà máy cũng đã có chứng chỉ GMP- WHO sản xuất thuốc đông dược.

Tài chính:

- Hoạt động tài chính được đánh giá khá lành mạnh, ổn định, cập nhật kịp thời tình hình kinh doanh của công ty đảm bảo các quyết định quản trị kịp thời của HĐQT và Ban TGD.

Hoạt động nhân sự:

- Hoạt động Tuyển dụng: Được chuẩn hóa và cho kết quả nhân sự đầu vào chất lượng hơn, minh bạch và công bằng hơn;
- Hoạt động đào tạo được tổ chức nhiều và phù hợp với từng đối tượng. Năm 2013, đã tổ chức được các khóa đào tạo quan trọng: Đào tạo kỹ năng chăm sóc khách hàng, nhận thức về lãnh đạo, một số kỹ năng chuyên môn khác.
- Hoạt động đánh giá – sàng lọc nhân sự: Đã tổ chức đánh giá KPI toàn bộ nhân viên 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm. Qua đó có chính sách khuyến khích nhân viên xuất sắc và phạt hoặc cho thôi việc những nhân sự kém chất lượng.

- Thực hiện hoạt động truyền thông nội bộ: Các hoạt động phúc lợi như nghỉ mát, teambuilding đã góp phần gắn kết tinh thần của cán bộ nhân viên công ty góp phần khẳng định bản sắc văn hóa doanh nghiệp, truyền bá lý tưởng và đam mê thuốc nam đến cộng đồng người tiêu dùng.
- Triển khai dự án tư vấn với công ty CP tư vấn và phát triển nhân lực OCD trong việc “Xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2014-2018 và Hệ thống quản trị nhân sự (mô hình quản trị công việc theo mục tiêu (MBO) và quy chế trả lương 3P (Chức danh, năng lực cá nhân và kết quả công việc)

Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch	Số cổ phần nắm giữ
Hoàng Minh Châu	Tổng giám đốc	Thạc sĩ dược Sinh năm 1974	189500
Trần Thị Anh Đức	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Cử nhân kinh tế Sinh năm 1980	không
Lê Văn Sản	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược	Dược sĩ Sinh năm 1983	16000
Nguyễn Văn Thành	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược Phương Nam	Cử nhân kinh tế Sinh năm 1983	không
Khuất Văn Mạnh	Trưởng phòng Nghiên cứu – Phát triển	Dược sĩ Sinh năm 1980	10900
Đỗ Thị Tuyền	Trưởng phòng Hành Chính - Nhân sự	Cử nhân Sinh năm 1974	3500
Trần Tiến Dũng	Giám đốc bán hàng toàn quốc	Cử nhân kinh tế Sinh năm 1983	không
Phan Đức Hòa	Trưởng phòng Marketing	Cử nhân Sinh năm 1984	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):
- + Bỏ nhiệm Ông Trần Tiến Dũng làm Giám đốc bán hàng Toàn quốc
- + Tuyển dụng và Bỏ nhiệm Ông Phan Đức Hòa làm Trưởng phòng Marketing
- + Bỏ nhiệm Ông Lê Văn Sản làm Phó tổng Giám đốc

+ Miễn nhiệm Ông Nguyễn Văn Lợi- Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số CBNV toàn hệ thống:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số	446	100%
Trên đại học	04	0.89%
Đại học	108	24.2%
Cao đẳng	40	8.96%
Trung cấp	175	39.35%
Sơ cấp + khác	119	26.6%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).
- Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	154.273	148.820	3,6%
Doanh thu thuần	254.121	265.539	(4,2)%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37.304	46.743	(2,0)%
Lợi nhuận khác	(2.568)	282	
Lợi nhuận trước thuế	34.376	47.025	(2,6)%
Lợi nhuận sau thuế	30.976	41.502	(2,5)%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,82	2,64	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,84	1,42	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,26	0,33	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,49	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	2,24	3,30	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,65	1,78	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,12	0,16	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,42	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,2	0,28	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,15	0,18	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao

dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

- Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cơ cấu cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
Cổ đông lớn (Người nắm $\geq 5\%$)	1.739.650	30,63
Cổ đông tổ chức	223.900	3,94
Cổ đông nhỏ (Người nắm $< 5\%$)	3.715.424	65,43
Tổng	5.680.000	100

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần.

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

- Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

III. **Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc** (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh 2013

Năm 2013, thị trường nói chung được đánh giá khá khó khăn do tiếp tục ảnh hưởng của suy thoái kinh tế kéo dài nhiều năm trước đó.

Ngành dược phẩm, thực phẩm chức năng năm 2013 cũng chứng kiến sự nở rộ của hàng nghìn sản phẩm mới, tạo nên sự cạnh tranh rất khốc liệt trên thị trường, cũng như trên phương tiện truyền thông.

Vấp phải những khó khăn trên, do cách làm cũ chậm thay đổi, cộng với việc dành thời gian nghiên cứu thay đổi chiến lược quản trị, nghiên cứu mô hình phát triển bền vững, nghiên cứu thị trường và công nghệ để tung ra nhiều sản phẩm mới cho tương lai, năm 2013 chứng kiến sự suy giảm lần đầu tiên sau 3 năm liên tục tăng trưởng của Nam Dược, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2013 sau khi đã được công ty kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và chốt số liệu như sau:

Đơn vị tính : Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm 2013/2012
Tổng tài sản	154.273.753	148,820.140	3,6%
Doanh thu thuần	254.121.767	265,539.588	-4,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37.304.479	46,743.119	-2,0%
Lợi nhuận khác	-2.568.338	282.187	
Lợi nhuận trước thuế	34.736.141	47,025.306	-2,6%
Lợi nhuận sau thuế	30.976.945	41,502.454	-2,5%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12%	16%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	27%	42%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	20%	28%	
Tỷ suất Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(%)	15%	18%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2012, 2013 của CTCP Nam Dược

Về doanh thu: Doanh thu thuần năm 2013 đạt 254.121.767 nghìn đồng, giảm 4,2% so với năm 2012 và giảm 29,4% so với kế hoạch đề ra.

Về Lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 30.976.945 nghìn đồng, giảm 2,5% so với năm 2012 và giảm 43,7% so với kế hoạch đề ra.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu năm 2013 giảm 25% so với năm 2012; Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu năm 2013 đạt 27%.

Nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước: Năm 2013, Nam Dược thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế với Nhà nước và nộp ngân sách 16.816.841 nghìn đồng tăng 40% so với năm 2012.

Nhà nước và nộp ngân sách 16.816.841 nghìn đồng tăng 40% so với năm 2012.

So với chỉ tiêu kinh doanh theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Nam Dược năm 2013, các chỉ tiêu kinh doanh thực hiện trong năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	% thực hiện so với KH
Vốn điều lệ	56,800,000	56,800,000	100%
Doanh thu thuần	360,000,000	254.121.767	70,6%
Lợi nhuận sau thuế	55,000,000	30.976.945	56,3%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,2%	12,2%	80,3%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 của CTCP Nam Dược

Cơ cấu doanh thu tự doanh và bao tiêu như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Khoản mục	Năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng
Tự phân phối	176.752.099	69,6%
Bán bao tiêu	77.369.668	30,4%
Tổng	254.121.767	

Nguồn: CTCP Nam Dược

2. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Làn

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	So sánh 2013/2012
Khả năng thanh toán ngắn hạn	2,82	2,64	1,07

Khả năng thanh toán nhanh	0,84	1,42	-0,40
Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,49	-0,28

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2013 là 2,82, tăng 1,07 lần so với năm 2012 và tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu năm 2013 là 0.35, giảm 0.28 lần so với năm 2012 thể hiện năng lực về tài chính của Công ty đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được (Như đã tổng kết và phân tích phần 1)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2013, Nam Dược về cơ bản không có nhiều biến động về cơ cấu tổ chức so với năm 2012; Có một số vị trí thay đổi như sau:

1. Tuyển dụng mới Trưởng phòng Marketing công ty Cổ phần Nam Dược
2. Bổ nhiệm Phó Giám đốc phụ trách chất lượng và nghiên cứu thực nghiệm của Công ty TNHH MTV Nam Dược
3. Bổ nhiệm Phó Giám đốc thường trực của Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam;
4. Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Văn Lợi

6. Về chính sách quản lý, Nam Dược chú trọng phương pháp quản trị mục tiêu trong toàn hệ thống và hệ thống đánh giá nhân sự theo kết quả công việc; Nam Dược luôn đặt ra những tầm nhìn thách thức và tìm các mô hình tiên tiến của thế giới với sự hỗ trợ của các chuyên gia để định hình rõ hướng đi phù hợp. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

1. Tiếp tục định hướng chiến lược trở thành đại diện của thương hiệu thuốc Nam của người Việt với những thương hiệu sản phẩm dẫn đầu tại Việt Nam và xuất khẩu ra thế giới.
2. Nhân sự, công nghệ, nghiên cứu phát triển là những lĩnh vực sẽ được chú trọng đầu tư trong tương lai gần; Đối với một doanh nghiệp Dược thì công nghệ và Nghiên cứu phát triển phải là yếu tố có tính then chốt và quyết định tương lai dài hạn của doanh nghiệp; Bên cạnh tích lũy kinh nghiệm bào chế theo tri thức Y học cổ truyền thì Nam Dược sẽ phải ứng dụng những công nghệ bào chế hàng đầu, nhằm nâng cao giá trị của các sản phẩm, phục vụ cộng đồng tốt hơn;
3. Sau giai đoạn ổn định và phục hồi (2009 – 2012), bước sang giai đoạn mới, Nam Dược sẽ chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức và ưu tiên phát triển nguồn lực nhân sự, phục vụ cho chiến lược dẫn đầu;
4. Cân bằng hợp lý các nhóm lợi ích (*Cổ đông - Đối tác bao tiêu – Cán bộ công nhân viên*). Lấy mục tiêu ổn định lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức cho cổ đông làm mục tiêu ưu tiên trong năm 2013 và những năm tiếp theo nhưng cần ưu tiên đầu tư để tận dụng cơ hội bứt phá và tạo lập vị thế của thương hiệu.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Thống nhất với ý kiến của Ban tổng giám đốc về các mặt hoạt động của công ty.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: Bàn điều hành đã rất nỗ lực trong hoạt động điều hành để thu được kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2013.*

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Xây dựng chiến lược cho thời gian tới của Nam Dược và cùng Ban điều hành triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.*

V. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Chức danh trong điều hành tại công ty
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139200	Thành viên không điều hành
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322200	Thành viên độc lập
3	Hoàng Minh Châu	Thành viên	189500	Tổng giám đốc
4	Lê Văn Sản	Thành viên	16000	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược
5	Dương Thị Lan	Thành viên	105000	Thành viên độc lập

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Số lượng và nội dung các buổi họp:

STT	Thời gian	Nội dung
1	Tháng 1	1. Báo cáo sơ bộ kế hoạch kinh doanh năm 2012 và kế hoạch kinh doanh 2013 2. Triển khai xây dựng và thẩm định GMP Đông dược
2	Tháng 2	1. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 và kế hoạch năm 2013 2. Triển khai xây dựng GMP Đông dược (tiếp theo)
3	Tháng 3	1. Báo cáo tài tính hợp nhất năm 2012; Kết quả kinh doanh quý I; Kế hoạch năm 2013 2. Thông qua phương án chia cổ tức, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm

		2012; kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận năm 2013 chuẩn bị trình Đại hội cổ đông 3. Chuẩn bị phương án đại hội cổ đông năm 2013
4	Tháng 3	1. Phương án tổ chức đại hội cổ đông 2. Triển khai dự án tư vấn chiến lược với OCD
5	Tháng 5	1. Triển khai nghị quyết đại hội cổ đông
6	Tháng 7	1. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2. Báo cáo hoạt động của ban kiểm soát 6 tháng đầu năm
7	Tháng 9	1. Phê duyệt cơ cấu tổ chức toàn hệ thống giai đoạn 2014-2018 2. Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Văn Lợi
8	Tháng 11	1. Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược Phương Nam đối với Ông Võ Ngọc Tâm 2. Phê duyệt định hướng cho hoạt động cung ứng dược liệu giai đoạn 2014-2018 3. Phê duyệt phương pháp tính giá bán sản phẩm cho các đối tác bao tiêu năm 2014
9	Tháng 12	1. Triển khai BSC công ty năm 2014 2. Thay đổi địa chỉ trụ sở chính công ty

2. Kết quả các buổi họp:

STT	Số ký hiệu	Ngày tháng	Nội dung
1	01A/2013/NQ-HĐQT	05/01/2013	Triển khai XD và thẩm định tiêu chuẩn GMP đông dược
2	01B/2013/NQ-HĐQT	05/01/2013	Mời chuyên gia thiết kế Nồi hơi, điều hòa TQ
3	01C/2013/NQ-HĐQT	05/01/2013	Lập kế hoạch chi tiết năm 2013
4	01D/2013/NQ-HĐQT	05/01/2013	Báo cáo tình hình hoạt động năm 2012
5	02A/2013/NQ-HĐQT	02/02/2013	Thưởng tết cho CBNV và ban điều hành
6	02B/2013/NQ-HĐQT	02/02/2013	Chi phí lương ban điều hành, CBNV năm 2013
7	02C/2013/NQ-HĐQT	02/02/2013	Triển khai XD và thẩm định tiêu chuẩn GMP đông dược
8	03A/2013/NQ-HĐQT	30/03/2013	Quyết định thành lập BTC ĐHCĐ năm 2013
9	03B/2013/NQ-HĐQT	30/03/2013	Miễn nhiệm bà Phạm Thị Hân
10	04A/2013/NQ-HĐQT	23/04/2013	Điều chỉnh giá các SP cho đơn vị bao tiêu năm 2013
11	04B/2013/NQ-HĐQT	23/04/2013	Triển khai dự án tư vấn chiến lược và XD hệ thống

			QLNS
12	05B/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	QĐ triển khai dự án tư vấn OCD
13	05A/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Thành lập tổ đề án tham gia
14	05C/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Phân công chức năng nhiệm vụ của các TV HĐQT nhiệm kỳ IV
15	05D/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Triển khai NQĐHCD nhiệm kỳ IV về chia cổ tức
16	05E/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Triển khai NQĐHCD nhiệm kỳ IV về chi thù lao HĐQT, BKS, TKHĐQT
17	05F/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Triển khai NQĐHCD nhiệm kỳ IV về thường ban điều hành năm 2012
18	05G/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Triển khai NQĐHCD nhiệm kỳ IV về trích lập quỹ khen thưởng người LĐ
19	05K/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Phân bổ lại nhóm hàng cho Cty CPND và các công ty bao tiêu
20	05L/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Trang bị Innova cho NDPN
21	05M/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Chi phí cho Thư ký HĐQT cho năm 2013
22	05N/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Miễn nhiệm chức danh thư ký HĐQT đối với ông Khuất Văn Mạnh
23	05P/2013/NQ-HĐQT	19/05/2013	Bổ nhiệm chức danh thư ký HĐQT đối với bà Đỗ Thị Tuyền
24	06A/2013/NQ-HĐQT	10/09/2013	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Văn Lợi
25	07A/2013/NQ-HĐQT	15/09/2013	Phê duyệt cơ cấu tổ chức toàn hệ thống Nam Dược giai đoạn 2014-2018
26	07B/2013/NQ-HĐQT	25/11/2013	Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược Phương Nam đối với Ông Võ Ngọc Tâm
27	08A/2013/NQ-HĐQT	25/11/2013	Phê duyệt định hướng cho hoạt động cung ứng dược liệu giai đoạn 2014-2018
28	08B/2013/NQ-HĐQT	25/11/2013	Phê duyệt phương pháp tính giá bán sản phẩm cho các đối tác bao tiêu năm 2014
29	08C/2013/NQ-HĐQT	25/11/2013	Phê duyệt danh mục chiến lược sản phẩm tự doanh năm 2014

30	09A/2013/NQ-HĐQT	10/12/2013	Phê duyệt triển khai BSC Công ty cho năm 2014
31	09A/2013/NQ-HĐQT	10/12/2013	Phê duyệt phương án đưa nhà máy thành doanh nghiệp công nghệ cao
32	09B/2013/NQ-HĐQT	10/12/2013	Phê duyệt phương án thay đổi trụ sở chính của công ty
33	09C/2013/NQ-HĐQT	10/12/2013	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2013

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Hoạt động
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139200	Hỗ trợ cho công tác nghiên cứu phát triển, Sản xuất
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322200	Hỗ trợ công tác Tài chính; kinh doanh
3	Dương Thị Lan	Thành viên	105000	Hỗ trợ công tác kinh doanh

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

3. Ban Kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành):

STT	Họ và tên	Chức danh BKS	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Vũ Thị Nga	Trưởng ban	14000	0,25
2	Phạm Thành Đạt	Thành viên	40690	0,72
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	35000	0,62
4	Mai Thị Hoàng Sa	Thành viên	0	0

- Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

STT	Thời gian	Nội dung và kết quả
1	Tháng 7	Kiểm soát các hoạt động 6 tháng đầu năm; báo cáo kết quả giám sát hoạt động 6 tháng đầu năm

2	Tháng 12	Kiểm soát hoạt động năm 2013; báo cáo hoạt động năm 2013
---	----------	--

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Năm 2013 toàn bộ thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát được nhận thù lao theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2013 là 5% lợi nhuận lũy kế năm 2012.
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trước ngày 01/01/2011, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và khoản đầu tư vào Công ty này với số tiền 255 triệu đồng đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc. Với các tài liệu được cung cấp, Chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá khả năng thu hồi và mức trích lập dự phòng tổn thất của khoản đầu tư này ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.
- Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và ghi nhận chi phí dự phòng vào kết quả kinh doanh năm 2011 với số tiền 17.219.930.908 đồng làm tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 và lũy kế đến thời điểm 31/12/2012 với số tiền 15.067.439.545 đồng.
- Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và ghi nhận chi phí dự phòng vào kết quả kinh doanh với số tiền là 1.113.062.884 đồng. Làm lợi nhuận trước thuế năm 2012 tăng lên số tiền tương ứng.
- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tiền mặt của Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam vào ngày 31/12/2012. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này.

- Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam có chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh số lỗ 2.397.281.913 đồng, ảnh hưởng của khoản lỗ lũy kế này dẫn tới chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu" đang bị âm 1.397.281.913 đồng. Với những tài liệu hiện có chúng tôi không thể đánh giá, cũng như khẳng định được về tính hoạt động liên tục của Công ty.
- Như đã trình bày trong thuyết minh số 18 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2011 và ngày 31/12/2012 các khoản vay dài hạn phải được hoàn trả trong vòng 1 năm với số tiền là 3.571.400.000 đồng đang được trình bày tại chỉ tiêu "Vay và nợ dài hạn" thay vì được trình bày trên chỉ tiêu "Vay và nợ ngắn hạn" theo như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Chuẩn mực kế toán số 21 - Trình bày báo cáo tài chính).
- Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Công ty Cổ phần Nam Dược đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2011 trong năm 2012 căn cứ vào lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 với số tiền 4.842.228.109 đồng mà không đủ nguồn để chi trả cổ tức trên Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

1. Bảng cân đối kế toán

Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	102,683,006,553	111,803,190,080
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	20,787,988,931	25,074,055,297
111	1. Tiền	20,787,988,931	11,355,708,289
112	2. Các khoản tương đương tiền	-	13,718,347,008
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	870,388,412
121	1. Đầu tư ngắn hạn	-	870,388,412
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7,850,822,143	32,655,217,700
131	1. Phải thu khách hàng	4,875,462,322	18,511,413,486
132	2. Trả trước cho người bán	2,949,516,813	12,549,552,902
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	25,843,008	1,594,251,312
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-	-

140	IV. Hàng tồn kho	4	72,260,209,339	51,385,944,365
141	1. Hàng tồn kho		72,260,209,339	51,385,944,365
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1,783,986,140	1,817,584,306
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		994,998,780	402,504,650
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		349,004,929	496,659,104
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	42,914,966
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	5	439,982,431	875,505,586
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51,590,747,010	37,016,950,541
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		48,124,677,058	34,724,860,796
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	47,665,388,638	28,723,538,733
222	- Nguyên giá		101,728,816,550	73,986,188,723
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(54,063,427,912)	(45,262,649,990)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	7	240,428,420	320,571,236
228	- Nguyên giá		801,428,129	801,428,129
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(560,999,709)	(480,856,893)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	218,860,000	5,680,750,827
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	255,000,000	255,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		255,000,000	255,000,000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		3,211,069,952	2,037,089,745
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2,658,719,156	1,162,042,969

262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.2	389,350,796	838,046,776
268	3. Tài sản dài hạn khác		163,000,000	37,000,000
270			154,273,753,563	148,820,140,621
Mã số	Thuyết minh		31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		39,603,998,426	49,151,482,453
310	I. Nợ ngắn hạn		36,430,795,070	42,406,685,605
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	14,634,936,481	11,245,855,234
312	2. Phải trả người bán		12,757,943,651	19,828,393,488
313	3. Người mua trả tiền trước		859,166,446	719,787,641
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2,481,661,276	6,582,211,808
315	5. Phải trả người lao động		2,908,287,515	3,242,522,416
316	6. Chi phí phải trả	13	150,326,945	141,289,292
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	2,250,788,670	646,625,726
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		387,684,086	-
327	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		3,173,203,356	6,744,796,848
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	3,173,203,356	6,744,796,848
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		114,669,755,137	99,668,658,168
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	114,669,755,137	99,441,658,168
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56,800,000,000	56,800,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-

417	7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	57,869,755,137	42,641,658,168
421	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	-	227,000,000
432	2. Nguồn kinh phí	17	227,000,000
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
440		154,273,753,563	148,820,140,621

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
005 5. Ngoại tệ các loại	-	-
005a - USD	429.15	439.39
005b - EUR	131.93	131.81

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	254,151,313,631	265,660,793,360
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29,546,607	121,204,712
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	254,121,767,024	265,539,588,648
11	4. Giá vốn hàng bán	138,380,398,185	152,998,546,458
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	115,741,368,839	112,541,042,190
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	597,459,964	735,850,346
22	7. Chi phí tài chính	1,318,451,116	4,148,846,705
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	1,285,606,727	4,126,983,529
24	8. Chi phí bán hàng	54,047,062,702	44,731,202,292

25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23,668,835,060	17,653,724,522
30			37,304,479,925	46,743,119,017
31	11. Thu nhập khác		168,657,404	390,359,844
32	12. Chi phí khác	26	2,736,996,053	108,172,266
40	13. Lợi nhuận khác		(2,568,338,649)	282,187,578
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34,736,141,276	47,025,306,595
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	3,310,499,327	6,360,898,697
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.2	448,695,980	(838,046,776)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		30,976,945,969	41,502,454,674
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	5,454	7,307

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2013 VND	Năm 2012 VNI
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	34,736,141,276	47,025,306,595
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	10,052,590,298	7,927,976,337
03	- Các khoản dự phòng	-	-
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	21,547,244	-
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(597,459,964)	(976,749,726)
06	- Chi phí lãi vay	1,285,136,171	4,126,983,529
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	45,497,955,025	58,103,516,735
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	25,430,487,853	12,449,187,338
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	20,874,264,974	10,178,612,733
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11,914,391,397	2,935,830,560
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(1,724,704,700)	(358,681,913)
13	- Tiền lãi vay đã trả	(1,293,080,261)	(4,328,394,163)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(9,150,488,584)	(1,021,398,851)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	406,090,335	501,000,661
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4,240,608,568)	(740,199,374)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	22,136,994,729	57,362,248,260

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(16,818,533,447) 11,773,821,077)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	- 240,920,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	- (6,030,618,464)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	870,388,412 8,653,121,396
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	597,459,964 735,829,726
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(15,350,685,071) (8,174,568,419)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	- -
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	20,804,632,180 27,105,991,769
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	20,987,144,425) 57,610,707,604)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	10,890,192,000) (4,243,888,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(11,072,704,245) 34,748,603,835)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(4,286,394,587) 14,439,076,006
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	25,074,055,297 10,634,979,291
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	328,221 -
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	20,787,988,931 25,074,055,297

4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Mẫu B09 -
DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004, chuyển đổi sang số 0103039249 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 08/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 đồng tương đương với 5.680.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Nam Dược (*)

Địa chỉ

Số 3, ngách 34/23, ngõ 34
đường Nguyễn Hồng,
Láng Hạ, Đống Đa, Hà
Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Kinh doanh dược phẩm

(*) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Nam Dược ngày 08/05/2011 đã thông qua việc giải thể Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Nam Dược. Đồng thời Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội - phòng đăng ký kinh doanh số 02 đã cấp Giấy xác nhận số 4162/14 ngày 23/01/2014 về việc đã tiếp nhận thông báo tạm ngừng hoạt động của chi nhánh. Thời gian tạm ngừng lần 02 từ ngày 24/01/2014 đến ngày 24/01/2015.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 bao gồm:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nam Dược	Lô M13 (C4-9), Khu công nghiệp Hòa Xá, TP. Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	C4B, Bửu Long, Phường 15, Quận 10, TP Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Công ty con bị loại trừ khỏi việc hợp nhất Báo cáo tài chính khi:

- Quyền kiểm soát của Công ty mẹ chỉ là tạm thời vì Công ty con này chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong tương lai gần (dưới 12 tháng); hoặc
- Hoạt động của Công ty con bị hạn chế trong thời gian dài và điều này ảnh hưởng đáng kể tới khả năng chuyển vốn cho Công ty mẹ.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Ngoài ra, quy trình sản xuất, bảo quản, mua và bán các mặt hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và dược liệu phải tuân thủ các quy định liên quan của Nhà nước Việt nam và phù hợp với tiêu chuẩn chuyên môn của các tổ chức thế giới đã được Công ty đăng ký.

2.8 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được hình thành từ mua sắm là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 07 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 04 năm
- Các tài sản khác	03 - 08 năm

Từ tháng 6/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 2 năm tài chính.

2.9 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Công ty Cổ phần Nam Dược và Công ty TNHH Một thành viên Nam Dược Phương Nam có thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và biên bản thanh tra thuế của Cục thuế Nam Định ngày 27/04/2011, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty TNHH Nam Dược là 10% trên thu nhập chịu thuế và áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động cho phần thu nhập của dự án đầu tư mang lại. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2013 là năm thứ 8 công ty có lãi.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra là 5% đối với sản phẩm thuốc và 10% đối với sản phẩm chức năng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

31/12/2013

VND

01/01/2013

VND

Tiền mặt	5,987,940,742	3,291,009,416
Tiền gửi ngân hàng	14,800,048,189	8,064,698,873
Các khoản tương đương tiền	-	13,718,347,008
	20,787,988,931	25,074,055,297

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36,174,930,565	30,816,783,376
Công cụ, dụng cụ	48,607,423	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8,777,654,665	5,762,083,540
Thành phẩm	23,694,274,088	9,895,292,302
Hàng hóa	3,564,742,598	4,911,785,147
	72,260,209,339	51,385,944,365

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	428,992,431	864,515,586
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10,990,000	10,990,000
	439,982,431	875,505,586

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất, chi phí san lấp mặt bằng 10.000 m2 trên khu đất thuê có thời gian thuê 49 năm từ ngày 24/09/2003 tại lô M13 (C4-9), khu Công nghiệp Hòa Xá, Nam Định. Tài sản cố định này đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định tại ngày 31/12/2013.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	5,469,190,827
Công trình nhà máy sản xuất được phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc tế GMP-WHO		
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	-	67,801,500
- Chi phí xây lắp	-	5,364,389,327
- Chi phí tư vấn	-	37,000,000
Mua sắm TSCĐ	218,860,000	211,560,000
- Phần mềm kế toán	218,860,000	211,560,000

218,860,000	5,680,750,827
-------------	---------------

9.CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (*)	255,000,000	255,000,000
	255,000,000	255,000,000

(*) Đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược, Công ty này đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 15/02/2006.

10.CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	1,162,042,969	995,040,510
Số tăng trong năm	2,700,899,502	1,375,203,512
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(1,204,223,315)	(1,208,201,053)
Số dư cuối năm	2,658,719,156	1,162,042,969

. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	691,045,226	19,271,512
Chi phí giải phóng mặt bằng	288,406,461	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,063,696,645	787,803,225
Chi phí tư vấn xây dựng chiến lược kinh doanh	325,000,000	-
Chi phí nghiên cứu thị trường	166,000,000	166,000,000
Chi phí trả trước dài hạn khác	124,570,824	188,968,232
	2,658,719,156	1,162,042,969

11.VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	14,634,936,481	11,163,855,234
Vay ngân hàng	14,634,936,481	8,978,855,234
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Nam Định ⁽¹⁾	6,403,739,862	2,840,814,780
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định ⁽²⁾	8,231,196,619	6,138,040,454
Vay cá nhân	-	2,185,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	82,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - SGD Hà Nội	-	82,000,000
	14,634,936,481	11,245,855,234

Thông tin các khoản vay

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, tổng giá trị khoản vay đến thời điểm 31/12/2013 là 6.403.739.862 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất vay từ 9,5%-11%/năm. Mục đích vay: thanh toán tiền mua nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất. Tiền vay được đảm bảo bằng tài sản và tài sản được hình thành bằng vốn vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay và các hình thức đảm bảo khác phù hợp với quy định của BIDV.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Nam Định theo hợp đồng tín dụng số 30032013/HĐTD ngày 30/03/2013, hạn mức vay 16 tỷ đồng. Thời hạn vay là 12 tháng với mức lãi suất là 11%/năm. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013. Tiền vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1,158,036,337	142,115,557
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10,770,242
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,040,392,828	6,312,065,054
Thuế thu nhập cá nhân	283,232,111	117,260,955
	2,481,661,276	6,582,211,808*

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả phí kiểm toán	100,000,000	50,000,000
Chi phí lãi vay phải trả	14,815,758	22,289,292
Phải trả chi phí tích điểm theo doanh số	-	69,000,000
Chi phí điện, nước, điện thoại	35,511,187	-
	150,326,945	141,289,292

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	128,189,853	137,920,922
Bảo hiểm xã hội	103,397,178	2,496,829
Bảo hiểm y tế	23,113,114	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông	769,920,000	300,112,000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	533,000,000	177,000,000
Bảo hiểm thất nghiệp	9,855,696	-
Phải trả tiền phạt nộp thuế (*)	489,197,477	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	194,115,352	29,095,975

2,250,788,670	646,625,726
---------------	-------------

(*) Khoản phạt vi phạm về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân theo Quyết định số 52978/QĐ-CT-TTr2 ngày 31/12/2013 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.

15.VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	3,173,203,356	6,744,796,848
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	3,173,203,356	6,744,796,848
	3,173,203,356	6,744,796,848

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng số 03/2007/HĐTD ngày 01/06/2007, hạn mức vay 23,5 tỷ đồng, thời hạn vay 84 tháng với lãi suất nợ trong hạn 7,8%/ năm và lãi suất nợ quá hạn 11,7%/ năm. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng giá trị tài sản hình thành từ khoản vay. Khoản vay sẽ tới hạn trả trong năm 2014.

16.VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	56,800,000,000	5,981,431,603	62,781,431,603
Lãi trong năm trước	-	41,502,454,674	41,502,454,674
Trả thù lao HĐQT & BKS	-	(298,228,109)	(298,228,109)
Trả cổ tức	-	(4,544,000,000)	(4,544,000,000)
Số dư cuối năm trước	56,800,000,000	42,641,658,168	99,441,658,168
Lãi trong năm nay	-	30,976,945,969	30,976,945,969
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(15,748,827,955)	(15,748,827,955)
Giảm khác	-	(21,045)	(21,045)
Số dư cuối năm nay	56,800,000,000	57,869,755,137	114,669,755,137

(*) Căn cứ Nghị quyết số 06/2013/NQĐHĐCĐ ngày 27/4/2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dược, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

		Tỷ lệ %	Giá trị VND
Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất			41,502,454,674
-	Chi trả cổ tức năm 2012 trên vốn điều lệ	20.00 %	11,360,000,000
-	Chi thù lao hội đồng quản trị, BKS năm 2012	5.00%	2,075,122,733
-	Thưởng ban điều hành do vượt kế hoạch kinh doanh 2012	4.00%	1,660,098,187
-	Trích quỹ khen thưởng năm 2012	1.00%	415,024,547
-	Trích thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2011		238,582,488
			15,748,827,955

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56,800,000,000	56,800,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	56,800,000,000	56,800,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11,360,000,000	4,544,000,000

c) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,680,000	5,680,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,680,000	5,680,000
- Cổ phiếu phổ thông	5,680,000	5,680,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,680,000	5,680,000
- Cổ phiếu phổ thông	5,680,000	5,680,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

17. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	227,000,000	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	340,700,000
Chi sự nghiệp	(227,000,000)	(113,700,000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	227,000,000

Nguồn kinh phí được Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Nam Định cấp theo hợp đồng khoa học công nghệ giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định và Công ty TNHH Nam Dược (Công ty con)

18.TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	254,151,313,631	265,660,793,360
	254,151,313,631	265,660,793,360

19.CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	29,546,607	121,204,712
	29,546,607	121,204,712

20.DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	254,121,767,024	265,539,588,648
	254,121,767,024	265,539,588,648

21.GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	138,380,398,185	152,998,546,458
	138,380,398,185	152,998,546,458

22.DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	597,459,964	735,829,726
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	20,620
	597,459,964	735,850,346

23.CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	1,285,606,727	4,126,983,529
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11,297,145	21,863,176
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	21,547,244	-
	1,318,451,116	4,148,846,705

24.CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	763,382,774	585,000
Chi phí nhân viên quản lý	19,326,704,140	12,790,351,057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132,698,674	304,482,757
Chi phí quảng cáo khuyến mãi		27,726,797,759
	30,219,999,916	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,429,983,233	2,397,695,055
Chi phí khác bằng tiền	174,293,965	1,511,290,664
	54,047,062,702	44,731,202,292

25.CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,403,969,857	254,468,811
Chi phí nhân viên quản lý	12,833,474,727	11,234,106,678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,034,723,280	582,039,469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,559,216,889	3,379,661,438
Chi phí khác bằng tiền	1,837,450,307	2,203,448,126
	23,668,835,060	17,653,724,522

26.CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Truy thu và phạt vi phạm hành chính thuế (*)	1,360,422,714	-
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	611,231,997	-
Chi phạt vi phạm	10,948,738	14,459,651
Chi phí xuất hủy phế liệu	710,853,774	19,166,780
Chi phí khác	43,538,830	74,545,835
	2,736,996,053	108,172,266

(*) Truy thu và phạt vi phạm hành chính thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân theo Biên bản quyết toán số 52978/QĐ-CT-TTr2 ngày 31/12/2013 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.

27.THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ	-	4,540,959,790

Chi phí thuế TNDN hiện hành của các công ty con	3,310,499,327	1,819,938,907
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,310,499,327	6,360,898,697
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	611,231,997	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6,269,150,088	929,650,242
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(9,150,488,584)	(1,021,398,851)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1,040,392,828	6,269,150,088
Thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	389,350,796	838,046,776
	389,350,796	838,046,776
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(389,350,796)	(838,046,776)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	838,046,776	-
	448,695,980	(838,046,776)

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	30,976,945,969	41,502,454,674
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	30,976,945,969	41,502,454,674
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5,680,000	5,680,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,454	7,307

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79,188,598,236	84,268,571,100
Chi phí nhân công	43,206,044,663	33,091,085,169
Chi phí khấu hao TSCĐ	9,972,447,482	7,927,976,337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52,277,715,264	45,159,485,802
Chi phí khác bằng tiền	3,346,244,264	7,069,845,537
	187,991,049,909	177,516,963,945

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20,787,988,931	-	25,074,055,297	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4,901,305,330	-	20,105,664,798	-
Các khoản cho vay	-	-	870,388,412	-
Đầu tư dài hạn	255,000,000	-	255,000,000	-
	25,944,294,261	-	46,305,108,507	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	17,808,139,837	17,990,652,082
Phải trả người bán, phải trả khác	15,008,732,321	20,475,019,214
Chi phí phải trả	150,326,945	141,289,292
	32,967,199,103	38,606,960,588

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20,787,988,931	-	-	20,787,988,931
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4,901,305,330	-	-	4,901,305,330
Đầu tư dài hạn	-	255,000,000	-	255,000,000
	<u>25,689,294,261</u>	<u>255,000,000</u>	<u>-</u>	<u>25,944,294,261</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25,074,055,297	-	-	25,074,055,297
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20,105,664,798	-	-	20,105,664,798
Các khoản cho vay	870,388,412	-	-	870,388,412
Đầu tư dài hạn	-	255,000,000	-	255,000,000
	<u>46,050,108,507</u>	<u>255,000,000</u>	<u>-</u>	<u>46,305,108,507</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	14,634,936,481	3,173,203,356	-	17,808,139,837
Phải trả người bán, phải trả khác	15,008,732,321	-	-	15,008,732,321
Chi phí phải trả	150,326,945	-	-	150,326,945

	<u>29,793,995,747</u>	<u>3,173,203,356</u>	<u>-</u>	<u>32,967,199,103</u>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	14,817,255,234	3,173,396,848	-	17,990,652,082
Phải trả người bán, phải trả khác	20,475,019,214	-	-	20,475,019,214
Chi phí phải trả	141,289,292	-	-	141,289,292
	<u>35,433,563,740</u>	<u>3,173,396,848</u>	<u>-</u>	<u>38,606,960,588</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31.NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32.BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33.NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT	18,751,795,470	22,765,888,240
	Mối quan hệ	Năm 2013	Năm 2012
Mua hàng hóa			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT	31,250,116,141	37,895,844,150

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Người mua trả tiền trước			

- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT	-	1,219,219,931
Phải trả người bán			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT	-	5,431,474,538

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	3,658,972,879	1,406,737,466

34.SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay đổi tên thành Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ds. Hoàng Minh Châu